|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (CGCN). Kết quả rà soát như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**

**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

- Hệ thống hóa đầy đủ, toàn diện đường lối, chủ trương của Đảng về CGCN, làm cơ sở chính trị cho việc đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Luật CGCN. Đồng thời, đảm bảo yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật phải kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng.

- Đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành về CGCN, những quy định liên quan đến lĩnh vực CGCN để phát hiện những điểm hạn chế, chồng chéo, mâu thuẫn, những “khoảng trống pháp lý”, từ đó đề xuất phương án xử lý, quy phạm hóa chính sách, sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định trong Luật hiện hành, bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất của  quy định pháp luật trong lĩnh vực CGCN.

- Hệ thống hóa đầy đủ các điều ước quốc tế về lĩnh vực CGCN mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, làm cơ sở cho việc đánh giá tính đồng bộ, mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam với Điều ước quốc tế. Từ đó, đề xuất những phương án sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát**

- Rà soát đường lối, chủ trương của Đảng về lĩnh vực CGCN từ năm 2017 đến nay (tính từ thời điểm Luật CGCN năm 2017 được Quốc hội thông qua).

- Rà soát là toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành còn hiệu lực đến thời điểm rà soát (bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực) có quy định liên quan đến nội dung của Dự thảo Luật, gồm: các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thông tư liên tịch đang còn hiệu lực; các điều ước quốc tế về CGCN mà Việt Nam đã ký kết/gia nhập.

- Nội dung rà soát được tiến hành đối với các vấn đề liên quan đến: Các đối tượng công nghệ được chuyển giao theo xu thế trên thế giới và yêu cầu thực tiễn; Hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh, bao gồm CGCN giữa các doanh nghiệp/tổ chức, cá nhân trong nước, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển; Phát triển thị trường khoa học và công nghệ hoạt động chuyên nghiệp, minh bạch; Tạo động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN; Tăng cường kiểm soát CGCN xuyên biên giới để vừa kiểm soát an ninh công nghệ, vừa thúc đẩy CGCN quốc tế hiệu quả; Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, thực hiện giám sát, thống kê, đo lường hiệu quả... Các nội dung đã được thể chế hóa tại các quy định sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật.

**II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo**

Đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến dự thảo, trong đó bao gồm: 07 Nghị quyết[[1]](#footnote-1) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; về phát triển kinh tế tư nhân; về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền;... *(Chi tiết tại Bảng số 1 Phụ lục kèm theo).*

Qua rà soát cho thấy, về cơ bản các đường lối, chủ trương của Đảng đã được thể chế hóa đầy đủ hoặc một phần tại các điều khoản được sửa đổi, bổ sung.

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo**

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CGCN được xác định có **15 văn bản** Luật[[2]](#footnote-2)*.*

Qua rà soát cho thấy, về cơ bản, các quy định của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CGCN đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan. Bên cạnh đó, một số văn bản đang đề xuất theo hướng cần sửa đổi, thay thế trong trường hợp các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CGCN được thông qua.

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo**

Tổng số điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến dự thảo: Qua rà soát chưa xác định được có Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật CGCN*.*

**4. Phụ lục**

Phụ lục gồm 03 bảng kèm theo, bao gồm:

(1) Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật.

(3) Điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** |

**Phụ lục**

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo**

| **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO** | **ĐÁNH GIÁ** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Hoàn thiện pháp luật CGCN:* Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024** của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ…, sở hữu trí tuệ, thuế… để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực. | Toàn bộ Dự thảo Luật | Đã thể chế hóa đầy đủ đường lối chủ trương của Đảng |  |
| ***Tạo động lực tài chính, thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN:*** **- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024** của Bộ Chính trị (mục III.6): Có các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài. - **Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2023** của Bộ Chính trị: Cho phép các doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này (mục III.4); và Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (mục III.5). | Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung sau: - Sửa đổi, bổ sung Điều 7 về Quyền chuyển giao công nghệ, Điều 8 về Góp vốn bằng công nghệ, Điều 9 về Công nghệ khuyến khích chuyển giao để hỗ trợ, thúc đẩy CGCN nội sinh, tạo động lực về tài chính, thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN.***Điều 7. Quyền Chuyển giao công nghệ \*****1. Quyền sở hữu và quyền sử dụng công nghệ được xác lập, công nhận và bảo vệ trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chuyển giao, thừa kế hoặc giao dịch hợp pháp, phù hợp với pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ, pháp luật dân sự và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.**2. Trong trường hợp công nghệ được tích hợp trong sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống, quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng công nghệ không đương nhiên phát sinh cùng với quyền sở hữu đối với sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống mà công nghệ được tích hợp trong đó, trừ khi có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.**3. Chủ sở hữu công nghệ có quyền sau đây:* *a) Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ;* *b) Chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.**4. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác khi chủ sở hữu công nghệ đồng ý bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật.**5. Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng công nghệ do các bên thỏa thuận bao gồm:**a) Quyền sử dụng công nghệ độc quyền hoặc không độc quyền;**b) Quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba.**6. Việc sở hữu, sử dụng sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống có tích hợp công nghệ không làm phát sinh, mở rộng hoặc hạn chế quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ so với thỏa thuận giữa các bên hoặc quy định của pháp luật; mọi quyền liên quan đến công nghệ phải được xác định riêng biệt với quyền sở hữu sản phẩm, máy móc, thiết bị hoặc hệ thống có tích hợp công nghệ.****Điều 8. Góp vốn bằng công nghệ\**** *1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng hợp pháp công nghệ được quyền góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư hoặc doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.**2. Trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước, công nghệ đưa vào góp vốn phải được thẩm định giá và xác nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trước khi thực hiện góp vốn.**3. Nhà nước khuyến khích góp vốn bằng công nghệ nội sinh, đặc biệt là công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu và phát triển có sử dụng ngân sách nhà nước, thông qua các biện pháp hỗ trợ thẩm định giá, xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp, và kết nối đối tác để khai thác hiệu quả công nghệ.****Điều 9. Công nghệ khuyến khích chuyển giao\**** *1. Công nghệ chiến lược, công nghệ cao; máy móc, thiết bị đi kèm công nghệ chiến lược, công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.**2. Công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ xanh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam được khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao trong nước khi đáp ứng một hoặc các yêu cầu sau:**a) Tạo ra sản phẩm, dịch vụ có năng suất, chất lượng hoặc hiệu quả sử dụng tài nguyên cao hơn so với sản phẩm, dịch vụ tương đương hiện có;**b) Tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới; giống cây trồng, vật nuôi mới đã qua kiểm nghiệm;**c) Tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu; sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo; lưu trữ năng lượng hiệu suất cao;**d) Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính;**đ) Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, thể chất và đời sống nhân dân;**e) Phát hiện, xử lý, dự báo để phòng chống thiên tai, dịch bệnh; cứu hộ, cứu nạn;* *g) Sản xuất đồng bộ theo chuỗi có hiệu quả kinh tế - xã hội cao;**h) Sử dụng đồng thời cho mục đích quốc phòng, an ninh và dân dụng;**i) Phát triển, hiện đại hóa nghề thủ công truyền thống.*- Sửa đổi, bổ sung Điều 23 về Nội dung hợp đồng CGCN: bổ sung quy định để đảm bảo bên chuyển giao có quyền sở hữu công nghệ hoặc quyền CGCN hợp pháp, tránh rủi ro cho bên nhận chuyển giao, hoàn thiện thể chế, pháp lý cho hoạt động CGCN.***“Điều 23. Nội dung hợp đồng Chuyển giao công nghệ \*\*****1. Tên công nghệ được chuyển giao.**2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.**3. Chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.**3a. Tài liệu minh chứng quyền sở hữu công nghệ, quyền chuyển giao công nghệ.* *3b. Cam kết của bên chuyển giao về quyền chuyển giao công nghệ trong trường hợp không có tài liệu minh chứng.**4. Mức chuyển giao công nghệ.**5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.**6. Giá, phương thức thanh toán.**7. Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.**8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có).**9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ.**10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao.**11. Phạt vi phạm hợp đồng.**12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.**13. Cơ quan giải quyết tranh chấp.**14. Nội dung khác do các bên thỏa thuận.”*- Sửa đổi, hoàn thiện Điều 35 về Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ: quy định các mức CGCN và các chính sách khuyến khích, ưu đãi tương ứng với mức CGCN; bổ sung quy định về chính sách khuyến công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể áp dụng các phương pháp thực hành tốt, công nghệ sẵn có, đã được kiểm chứng về hiệu quả để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp. ***“Điều 35. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ\*****“1. Hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước được phân loại theo mức độ tiếp nhận và phát triển công nghệ của bên nhận chuyển giao, gồm các mức:**a) Ứng dụng và vận hành;**b) Làm chủ và cải tiến;**c) Đổi mới và phát triển.**2. Căn cứ mức độ tiếp nhận quy định tại khoản 1 và mức chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao, mục đích sử dụng, phạm vi, loại hình và tính chất công nghệ được chuyển giao, khả năng tạo giá trị gia tăng và nâng cao năng lực nội sinh của bên nhận chuyển giao là doanh nghiệp Việt Nam, Nhà nước có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ sau:**a) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai, áp dụng, cải tiến công nghệ, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; kết nối chuyên gia; tư vấn kỹ thuật; đào tạo; thử nghiệm và hiệu chỉnh công nghệ thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương;**b) Chi phí của doanh nghiệp cho hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao, khoản chi hoạt động chuyển giao công nghệ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ 50% đối với mức Ứng dụng và vận hành, 100% đối với mức Làm chủ và cải tiến và 200% đối với mức Đổi mới và phát triển;**c) Doanh nghiệp được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phần mềm và dịch vụ công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ công nghệ được chuyển giao;* *d) Doanh nghiệp được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với máy móc, thiết bị công nghệ mới, công nghệ cao, nhằm khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả đầu tư và giảm thiểu hao mòn vô hình của tài sản công nghệ.**3. Nhà nước dành ngân sách từ nguồn chi cho KHCN&ĐMST để phát triển mạng lưới các tổ chức KH&CN có chức năng ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thực hiện hoạt động khuyến công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể áp dụng các phương pháp thực hành tốt, công nghệ sẵn có, đã được kiểm chứng về hiệu quả để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp.* *4. Hoạt động khuyến công nghệ thực hiện theo cơ chế thị trường, được trợ giá tối đa 30% cho các khoản hỗ trợ trực tiếp nhưng không vượt quá mức trần quy định với mỗi loại dịch vụ, tại mỗi địa bàn.**5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.”* | Đã thể chế hóa đầy đủ đường lối chủ trương của Đảng |  |
| **Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị (mục III.6[[3]](#footnote-3)):**Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, CGCN, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuấtkinh doanh. | - Sửa đổi, bổ sung Điều 36 về Thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: Luật KHCN&ĐMST đã quy định về việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo nên các quy định tại Điều 36 trong Luật CGCN 2017 không còn phù hợp. Điều 36 đã được sửa đổi với các nội dung mới nhằm bổ sung các biện pháp để tiếp tục thúc đẩy thương mại hóa kết quả từ các nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.**“*Điều 36. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước \*****1. Cơ quan nhà nước phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền, nghĩa vụ sau đây trong việc thương mại hóa kết quả của các nhiệm vụ này:**a) Bảo đảm lợi ích của Nhà nước đối với quyền sở hữu trí tuệ là kết quả của nhiệm vụ;**b) Phối hợp với cơ quan chủ quản và tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong việc bảo hộ, khai thác, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ;**c) Bảo đảm quyền sử dụng hợp lý kết quả cho mục đích nghiên cứu, công bố theo quy định của pháp luật;**d) Thực hiện thương mại hóa kết quả nhiệm vụ trong trường hợp Nhà nước thu hồi.**2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền, nghĩa vụ sau đây trong việc thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ:**a) Quản lý, sử dụng, chuyển giao, thương mại hóa và phân chia lợi nhuận từ kết quả nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;**b) Bảo hộ, khai thác, thương mại hóa kết quả bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình;**c) Liên kết hoặc thành lập tổ chức chuyển giao công nghệ để thương mại hóa kết quả;d) Báo cáo định kỳ về hoạt động bảo hộ và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ;**đ) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan cấp kinh phí theo hợp đồng;**e) Thành lập doanh nghiệp khởi nguồn để thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.**3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”*- Bổ sung Điều 36a về CGCN thông qua đồng hợp tác phát triển công nghệ: Luật hiện hành chưa có quy định nhằm thúc đẩy CGCN thông qua đồng hợp tác để phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ, do đó bổ sung Điều 36a để thúc đẩy CGCN, đồng thời qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển, ĐMST cho các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu trong nước.***“Điều 36a. CGCN thông qua đồng hợp tác phát triển công nghệ****1. Đồng hợp tác phát triển công nghệ là hình thức chuyển giao công nghệ được thực hiện ngay từ giai đoạn nghiên cứu, phát triển, nâng cấp, hoàn thiện công nghệ giữa tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài hoặc giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước.**2. Nhà nước khuyến khích đồng hợp tác phát triển công nghệ nhằm thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả, nâng cao năng lực công nghệ quốc gia.**3. Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia đồng hợp tác phát triển công nghệ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận, bảo đảm hài hòa lợi ích, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.**4. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và quản lý hoạt động đồng hợp tác phát triển công nghệ.”* |  |  |
| **Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017** của Ban Chấp hành Trung ương: Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện (mục I.1) | - Sửa đổi, bổ sung 15, Điều 29 Điều 30, Điều 54, Điều 55, Điều 56 nhằm thực hiện phân cấp cho chính quyền địa phương. Phân cấp cho UBND tỉnh thực hiện thủ tục chấp thuận và cấp giấy phép chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao.***“Điều 15. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư\*****1. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của dự án quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 13 của Luật này như sau:**a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì thẩm định về công nghệ đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, dự án do Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chủ trì thẩm định về công nghệ đối với các dự án còn lại;**b) Đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, dự án do Bộ trưởng bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học, công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với các dự án còn lại;**c) Đối với các dự án sử dụng vốn khác: Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về khoa học, công nghệ, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến về công nghệ đối với các dự án còn lại.”****“Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ\*****2. Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao gửi hồ sơ đến* ***cơ quan chuyên môn******về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh******nơi nhận chuyển giao công nghệ*** *để đề nghị chấp thuận chuyển giao công nghệ.**3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*** *có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo quy định. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*** *chủ trì phối hợp với Bộ, ngành có liên quan ra văn bản chấp thuận chuyển giao công nghệ; trường hợp không chấp thuận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”**“****Điều 30. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ\*****2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ****, tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.**3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, bên có nghĩa vụ thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ đến* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ****.**4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ,* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*** *có trách nhiệm xem xét hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định.**Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, các bên sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời gian việc sửa đổi, bổ sung. Thời gian gia hạn không quá 60 ngày, hết thời hạn này, nếu các bên không sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu thì* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*** *ra thông báo từ chối cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ và trả lại hồ sơ nếu có yêu cầu.**5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ,* ***cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ*** *có trách nhiệm thẩm định và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ; trường hợp từ chối cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”****“Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ\**** *Bỏ khoản 4 (Cấp, thu hồi Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao).**Bổ sung khoản 13a**“13a. Chủ trì, tổng hợp kế hoạch của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xây dựng và triển khai kế hoạch xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ chung của cả nước, bao gồm kế hoạch hằng năm và kế hoạch trung hạn (03 năm); định kỳ báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện.”****Điều 55. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ\*****Bổ sung khoản 4a và 4b**“4a. Tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong phạm vi quản lý hằng năm và theo giai đoạn, kết quả đánh giá gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Chính phủ.”**“4b. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý, bao gồm kế hoạch hằng năm và kế hoạch trung hạn (03 năm).”****Điều 56. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh\*****Bổ sung khoản 3a, 5a và 5b**“3a. Cấp, thu hồi Giấy phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.”**“5a. Tổ chức đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong phạm vi quản lý hằng năm và theo giai đoạn, kết quả đánh giá gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Chính phủ.”**“5b. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xúc tiến chuyển giao và thương mại hóa công nghệ trên địa bàn, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương và chính sách của Nhà nước.”* |  |  |
| Các chỉ tiêu về trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp: - **Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024** của Bộ Chính trị: trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới (Mục III.1); Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu (mục II.1); Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sàn giao dịch dữ liệu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng (mục III.3).**- Nghị quyết 68-NQ/TW** của Bộ Chính trị: Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN và nhóm 5 nước đứng đầu khu vực châu Á (mục II.1); Cập nhật và chuẩn hoá hệ thống chỉ tiêu, số liệu thống kê, cơ sở dữ liệu về kinh tế tư nhân để phục vụ cho công tác đánh giá, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển phù hợp cho từng giai đoạn (mục III.2.1). | Sửa đổi, hoàn thiện Điều 57 về thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ để đo lường và thống kê số lượng, giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường, theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động CGCN, nhất là CGCN sử dụng NSNN.***“Điều 57. Thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ\*****1. Nhà nước thiết lập và duy trì hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ nhằm theo dõi, đánh giá, định hướng và hoàn thiện chính sách phát triển hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ.**2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về chuyển giao công nghệ là hệ thống thông tin tập trung do Chính phủ thiết lập và vận hành nhằm thu thập, lưu trữ, tích hợp, phân tích và khai thác dữ liệu có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn quốc, phục vụ công tác quản lý, xây dựng chính sách, theo dõi, giám sát, đánh giá và thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ.**3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ bao gồm các chỉ tiêu phản ánh:**a) Số lượng và chủng loại công nghệ được chuyển giao;**b) Số lượng hoạt động chuyển giao công nghệ đã thực hiện trong kỳ thống kê, phân loại theo lĩnh vực công nghệ, ngành kinh tế, địa bàn, hình thức và mức chuyển giao công nghệ;**c) Thông tin về bên chuyển giao, bên nhận và tổ chức trung gian;**d) Giá trị kinh tế của giao dịch chuyển giao công nghệ;**đ) Nguồn gốc công nghệ (trong nước hoặc nước ngoài);**e) Kết quả và hiệu quả của hoạt động chuyển giao công nghệ;**g) Các chỉ tiêu khác có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ theo yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.**3. Chính phủ xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ theo quy định pháp luật về thống kê và tổ chức thực hiện trên toàn quốc.**4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.**5. Đánh giá hiệu quả chuyển giao công nghệ là quá trình xác định mức độ đạt được các mục tiêu về kinh tế, kỹ thuật, xã hội và đổi mới sáng tạo của hoạt động chuyển giao công nghệ. Kết quả đánh giá là căn cứ để hoạch định chính sách, kiểm soát rủi ro, phân bổ nguồn lực ưu đãi – hỗ trợ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ.* *6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”* |  |  |
| **Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022:** Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, ưu tiên các vùng khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo, phấn đấu không để chênh lệch lớn giữa các vùng” và “Có chính sách phù hợp đối với xây dựng nông thôn mới ở vùng ven đô thị, đồng bằng, miền núi, biên giới, hải đảo; khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*.* | Sửa đổi quy định để phù hợp thực tiễn (vùng nông thôn, miền núi, hải đảođịa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thường không có năng lực để tiếp nhận các công nghệ được khuyến khích chuyển giao quy định tại Điều 9 - là công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới…)**“*Điều 49. Công nghệ khuyến khích chuyển giao cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn\*****Công nghệ sau đây được khuyến khích chuyển giao cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn:**1. Công nghệ trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển nguồn gen; chọn tạo, nâng cao giá trị kinh tế của giống cây trồng, giống vật nuôi;**2. Công nghệ nuôi trồng, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, cây dược liệu, nấm, vi sinh vật nông nghiệp, thủy sản;**3. Công nghệ phòng, chống dịch bệnh cho giống cây trồng, giống vật nuôi, cây dược liệu;**4. Công nghệ tạo ra, khai thác và sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch; công nghệ xử lý nước trong nuôi trồng thủy sản;**5. Công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản phẩm truyền thống của làng nghề, địa phương.”* |  |  |

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo**

| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ(Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| --- | --- | --- | --- |
| Điều 2 sửa đổi các giải thích từ ngữ: “bí quyết”, “công nghệ”, “công nghệ mới”, “công nghệ xanh”, “công nghệ cao”, Điều 3 chính sách của Nhà nước về CGCN, Điều 4. Đối tượng công nghệ được chuyển giao.  | 1. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo,
2. Luật Dữ liệu,
3. Luật Công nghiệp công nghệ số
4. Luật Công nghệ cao
5. Luật Sở hữu trí tuệ
 |  |  |
| Điều 7 Quyền CGCN (Quyền sở hữu và quyền sử dụng công nghệ được xác lập, công nhận và bảo vệ trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chuyển giao, thừa kế hoặc giao dịch hợp pháp, phù hợp với pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ, pháp luật dân sự và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên). | 1. Bộ Luật Dân sự

Luật Sở hữu trí tuệ (5) |  |  |
| Điều 35 Sửa đổi, hoàn thiện Điều 35 về Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ: quy định các mức CGCN và các chính sách khuyến khích, ưu đãi tương ứng với mức CGCN *a) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai, áp dụng, cải tiến công nghệ; thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; kết nối chuyên gia; tư vấn kỹ thuật; đào tạo; thử nghiệm và hiệu chỉnh công nghệ thông qua Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các quỹ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của bộ, ngành, địa phương;**b) Chi phí của doanh nghiệp cho hoạt động chuyển giao công nghệ, khoản chi hoạt động chuyển giao công nghệ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ 50% đối với mức Ứng dụng và vận hành, 100% đối với mức Làm chủ và cải tiến và 200% đối với mức Đổi mới và phát triển;**c) Doanh nghiệp được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, phần mềm và dịch vụ công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động chuyển giao công nghệ;* *d) Doanh nghiệp được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với máy móc, thiết bị công nghệ mới, công nghệ cao, nhằm khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả đầu tư và giảm thiểu hao mòn vô hình của tài sản công nghệ.**3. Nhà nước dành ngân sách từ nguồn chi cho KHCN&ĐMST để phát triển mạng lưới các tổ chức KH&CN có chức năng ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, các trung tâm đổi mới sáng tạo, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo thực hiện hoạt động khuyến công nghệ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể áp dụng các phương pháp thực hành tốt, công nghệ sẵn có, đã được kiểm chứng về hiệu quả để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp.* *4. Hoạt động khuyến công nghệ thực hiện theo cơ chế thị trường, được trợ giá tối đa 30% cho các khoản hỗ trợ trực tiếp nhưng không vượt quá mức trần quy định với mỗi loại dịch vụ, tại mỗi địa bàn.* | 1. Luật Thuế XNK 2016 (khoản 21 Điều 16): Miễn thuế nhập khẩu với máy móc, thiết bị, vật tư, tài liệu khoa học chưa sản xuất được trong nước, dùng cho nghiên cứu, phát triển, ươm tạo, đổi mới công nghệ.
2. Luật Thuế TNDN 2008, (khoản 3 Điều 4): Miễn thuế thu nhập đối với thu nhập từ hợp đồng nghiên cứu KH&CN, sản phẩm thử nghiệm và sản phẩm ứng dụng công nghệ mới lần đầu tại Việt Nam.
3. Luật Hỗ trợ DNNVV (số 04/2017/QH14).

+ khoản 3, Điều 12: Cơ sở ươm tạo, kỹ thuật, khu làm việc chung được miễn/giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, thuế TNDN theo quy định pháp luật. + khoản 1, Điều 12: Nhà nước hỗ trợ DNNVV nghiên cứu, đổi mới, tiếp nhận và làm chủ công nghệ, thông qua nghiên cứu, tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ.10. Luật Đầu tư 2020, Điều 15: Ưu đãi đầu tư áp dụng cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN, dự án chuyển giao công nghệ khuyến khích, cơ sở ươm tạo công nghệ, và doanh nghiệp cung cấp công nghệ bảo vệ môi trường. Hình thức ưu đãi đầu tư gồm: miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước; ưu đãi thuế nhập khẩu; hỗ trợ đầu tư. | - Hợp hiến: phù hợp với quy định tại Điều 62 Hiến pháp 2013 về phát triển KH&CN, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.- Hợp pháp: không trái với các luật hiện hành, nhưng cần làm rõ phạm vi, đối tượng, điều kiện thụ hưởng để tránh chồng chéo với các quy định ưu đãi trong các luật chuyên ngành (thuế, đầu tư, đất đai…).- Thống nhất tương đối: cần tiếp tục chỉnh lý, lồng ghép để bảo đảm đồng bộ giữa Luật CGCN với các luật đang xây dựng/sửa đổi như Luật KH,CN&ĐMST, Luật Đất đai, Luật Quản lý tài chính công. |  |
| Các quy định tại Chương II. Thẩm định công nghệSửa tên chương để mở rộng phạm vi, không chỉ thẩm định công nghệ dự án đầu tư mà cả các trường hợp khác; sửa đổi, bổ sung các quy định từ Điều 13 đến Điều xx của Chương để phù hợp với các quy định pháp luật khác về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư. | 1. Luật Đầu tư năm 2020
2. Luật Đầu tư công 2024
3. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư 2020
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu 2025
5. Luật Xây dựng.
 |  |  |
| Sửa đổi, hoàn thiện **Điều 57** về thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ để đo lường và thống kê số lượng, giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường, theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động CGCN, nhất là CGCN sử dụng NSNN.**“*Điều 57. Thống kê chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ\*****1. Nhà nước thiết lập và duy trì hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ nhằm theo dõi, đánh giá, định hướng và hoàn thiện chính sách phát triển hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ.**2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về chuyển giao công nghệ là hệ thống thông tin tập trung do Chính phủ thiết lập và vận hành nhằm thu thập, lưu trữ, tích hợp, phân tích và khai thác dữ liệu có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn quốc, phục vụ công tác quản lý, xây dựng chính sách, theo dõi, giám sát, đánh giá và thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ.**3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ bao gồm các chỉ tiêu phản ánh:**a) Số lượng và chủng loại công nghệ được chuyển giao;**b) Số lượng hoạt động chuyển giao công nghệ đã thực hiện trong kỳ thống kê, phân loại theo lĩnh vực công nghệ, ngành kinh tế, địa bàn, hình thức và mức chuyển giao công nghệ;**c) Thông tin về bên chuyển giao, bên nhận và tổ chức trung gian;**d) Giá trị kinh tế của giao dịch chuyển giao công nghệ;**đ) Nguồn gốc công nghệ (trong nước hoặc nước ngoài);**e) Kết quả và hiệu quả của hoạt động chuyển giao công nghệ;**g) Các chỉ tiêu khác có liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ theo yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.**3. Chính phủ xây dựng, ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê về chuyển giao công nghệ theo quy định pháp luật về thống kê và tổ chức thực hiện trên toàn quốc.**4. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.**5. Đánh giá hiệu quả chuyển giao công nghệ là quá trình xác định mức độ đạt được các mục tiêu về kinh tế, kỹ thuật, xã hội và đổi mới sáng tạo của hoạt động chuyển giao công nghệ. Kết quả đánh giá là căn cứ để hoạch định chính sách, kiểm soát rủi ro, phân bổ nguồn lực ưu đãi - hỗ trợ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ.* *6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”* | 1. Luật Thống kê năm 2015 (khoản 1 Điều 7): Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thống kê

1. Luật KH,CN&ĐMST: Điều 19. Đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều 60. Xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.  |  |  |

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ(Tính tương thích)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025. [↑](#footnote-ref-1)
2. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật Dữ liệu, Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Công nghệ cao; Luật Sở hữu trí tuệ; Bộ luật dân sự; Luật Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Đầu tư công; Luật Thống kê; Luật Xây dựng.. [↑](#footnote-ref-2)
3. Có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, CGCN, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuấtkinh doanh. [↑](#footnote-ref-3)